

Số: 125/BVQTSNHP

Hải Phòng, ngày 19 tháng 4 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Bộ Y tế

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng.

Số giấy phép hoạt động: 296/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 23 tháng 12 năm 2020.

Địa chỉ: Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BSCKII. Phạm Thu Xanh

Điện thoại: 0225.3959.999; Email: quoctesannhihaiphong@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: bác sỹ các chuyên ngành: Sản Phụ khoa, Nhi khoa (Nội Nhi và Ngoại Nhi), Hồi sức tích cực Nhi; Gây mê hồi sức; Chẩn đoán hình ảnh, Tâm bệnh, Phục hồi chức năng; Xét nghiệm, Phẫu thuật thẩm mỹ; Răng hàm mặt, Tai Mũi họng, Mắt; Y sỹ; Điều dưỡng, Kỹ thuật y các chuyên ngành; Hộ sinh.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (Phụ lục 1);

3. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành (Phụ lục 2);

4. Các nội dung thực hành ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Hồi sức cấp cứu và nội khoa (Hợp tác với bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng).

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.000.000đ (Một triệu đồng)/người/tháng.

Bệnh viện quốc tế Sản Nhi Hải Phòng cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu kèm theo bản công bố: Nội dung thực hành cụ thể (Phụ lục 2). ✓

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, QLCLĐT.



Phạm Thu Xanh

Phụ lục 1: DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ SẢN NHI HẢI PHÒNG

(Kèm theo Bản công bố số 125 /BVQTSNHP ngày 19 tháng 4 năm 2024)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Số chứng chỉ hành nghề KCB	Ngày cấp CCHN
I. Hướng dẫn thực hành cho bác sỹ về chuyên ngành Sản Phụ khoa, hộ sinh					
1	Trần Thị Việt Phương	BSCKII	KB, CB Chuyên Khoa Sản - KHHGD	001374/HP-CCHN	29/12/2012
2	Nguyễn Văn Học	PGS.TS.BS	KB, CB CK Sản – KHHGD	000512/HP-CCHN	24/8/2012
3	Nguyễn Mai Thơ	BSCKII	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGD	001490/HP-CCHN	30/1/2013
4	Nguyễn Kim Nga	BSCKII	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGD	001477/HP-CCHN	28/1/2013
5	Phạm Thị Xuân Minh	BSCKII	KB,CB Chuyên Khoa Sản - KHHGD	008566/HP-CCHN	6/1/2016
6	Phạm Văn Đô	Ths.BS	KB, CB chuyên Khoa: Phụ sản - KHHGD	008991/HP-CCHN	21/6/2016
7	Đoàn Thị Thúy Hà	Ths.BS	Phòng khám chuyên Khoa Sản - KHHGD	000126/HP-CCHN	23/4/2012
8	Phùng Văn Luân	BSCKI	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản phụ Khoa	009994/HP-CCHN	20/9/2017
9	Vũ Hồng Thăng	Ths.BS	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGD	006577/HP-CCHN	16/11/2014
10	Phạm Thị Thu Thủy	BSCK II	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGD	000175/HP-CCHN	29/5/2012
11	Vũ Thị Oanh	BSCKII	KB, CB chuyên Khoa Phụ sản - KHHGD	003077/HP-CCHN	8/12/2013

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Số chứng chỉ hành nghề KCB	Ngày cấp CCHN
12	Nguyễn Đức Thuận	BSCKI	KB, CB Sản phụ khoa; Chứng chỉ đào tạo về IVF	0004754/QNI-CCHN	29/02/2016
13	Đỗ Diễm Hương	BSCKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Sản phụ Khoa	010300/HP-CCHN	12/2/2018

V. Hướng dẫn thực hành cho Bác sĩ về chuyên ngành Nhi khoa, Hồi sức tích cực

1	Phạm Văn Dương	BSCKII	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	000733/HP-CCHN	14/9/2012
2	Nguyễn Tuấn Tú	BSCKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	000356/HP-CCHN	11/7/2012
3	Trần Thị Thắm	Tiến sĩ.BS	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	002610/HP-CCHN	07/11/2013
4	Đình Khắc Hai	BSCKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Nhi	007243/HP-CCHN	15/9/2015
5	Trịnh Thị Thuần	BSCKII	KB, CB chuyên khoa Nhi; CC Hồi sức cấp cứu nhi	001202/HP-CCHN	06/12/2012
6	Nguyễn Duy Tuấn	BSCKII	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Ngoại Nhi	002673/HP-CCHN	7/11/2013
7	Vũ Trọng Tài	BSCKII	KB, CB chuyên khoa Nhi	002112/HP-CCHN	14/09/2013
8	Bùi Duy Vũ	BSCKII	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	000535/HP-CCHN	24/08/2012
9	Lê Thị Thúy	BSCKI	Khám bệnh, chữa bệnh CK Tai Mũi Họng	008905/HP-CCHN	11/5/2016
10	Nguyễn Thị Miên	BSCKI	KB, CB chuyên khoa Răng - hàm - mặt	001114/HP-CCHN	21/11/2012
11	Mạc Phạm Văn	BSCKI	KB, CB chuyên khoa Mắt	000156/HP-CCHN	29/5/2012

V. Hướng dẫn thực hành cho Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Số chứng chỉ hành nghề KCB	Ngày cấp CCHN
1	Lê Thị Lý	Đại học	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	006892/HP-CCHN	10/2/2015
2	Lê Thị Thanh Hà	Đại học	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	002979/HP-CCHN	8/12/2013
3	Lương Thị Mai Anh	Đại học điều dưỡng	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	010764/HP-CCHN	19/11/2018
4	Trần Thị Bích	Đại học điều dưỡng	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	004858/HP-CCHN	15/3/2014
5	Lê Thị Hồng	Đại học điều dưỡng	Điều dưỡng viên sản phụ Khoa	004596/TH-CCHN	10/3/2014
6	Hoàng Thị Hoa	Đại học điều dưỡng	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	011266/HP-CCHN	22/11/2019
7	Vũ Hương Thơm	Đại học điều dưỡng	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	011146/HP-CCHN	3/9/2019

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Số chứng chỉ hành nghề KCB	Ngày cấp CCHN
8	Vũ Thị Hạnh	Đại học điều dưỡng	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	005050/HP-CCHN	08/04/2014

III. Hướng dẫn thực hành cho Hộ sinh

1	Phạm Thiên Hương	Đại học	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BHYT ngạch hộ sinh	006515/HP-CCHN	23/7/2018
---	------------------	---------	--	----------------	-----------

VI. Hướng dẫn thực hành về kỹ thuật hình ảnh y học cho bác sỹ, KTV

1	Cao Thị Lan Hương	BSCKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Sản phụ Khoa/ Chuyên Khoa Chẩn đoán hình ảnh	000826/HP-CCHN	25/5/2018
2	Nguyễn Văn Bách	BSCKI	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	000252/HP-CCHN	19/12/2018
3	Nguyễn Thùy Vân	BSCKI	Chuyên Khoa CDHA	006715/HP-CCHN	10/12/2014
4	Bùi Đăng Chương	BSCKI	Chuyên khoa CDHA	005805/HP-CCHN	20/5/2014
5	Bùi Tiến Đạt	Đại học	Kỹ thuật viên hình ảnh y	012919/HP-CCHN	08/11/2022

VII. Hướng dẫn thực hành về kỹ thuật xét nghiệm y học cho bác sỹ, KTV

1	Đỗ Mạnh Toàn	Ths.BS	Chuyên Khoa Xét nghiệm	000194/HP-CCHN	25/1/2018
2	Phạm Thị Thủy	BSCKI	Chuyên khoa Xét nghiệm	008265/HP-CCHN	26/11/2015

VIII. Hướng dẫn thực hành về Tâm bệnh cho bác sỹ, điều dưỡng, KTV

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Số chứng chỉ hành nghề KCB	Ngày cấp CCHN
1	Cao Thị Quỳnh Diệp	BSCKI	KB, CB chuyên khoa: Nhi - Tâm bệnh	006726/HP-CCHN	12/12/2014

IX. Hướng dẫn thực hành về phục hồi chức năng cho bác sỹ, KTV

1	Nguyễn Thị Nhung	BS	KB, CB bằng YHCT; Bác sỹ định hướng Phục hồi chức năng	010986/HP-CCHN	5/10/2019
---	------------------	----	--	----------------	-----------

X. Hướng dẫn thực hành về Phẫu thuật thẩm mỹ

1	Bùi Thanh Doanh	TS.BSCKII	KB, CB CK Ngoại, CK Phẫu thuật Tạo hình thẩm mỹ	000260/HP-CCHN, QĐ 786/QĐ-SYT	18/6/2012
2	Vũ Văn Dương	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	038269/BYT-CCHN; Số 1568/QĐ-SYT	06/9/2018

XI. Hướng dẫn thực hành về Gây mê hồi sức

1	Nguyễn Đỗ Hưng	BSCKI	Chuyên Khoa Gây mê hồi sức	009075/HP-CCHN	01/7/2016
2	Phạm Đình Kiên	ThS.BS	Chuyên Khoa Gây mê hồi sức	003342/HP-CCHN	25/12/2013

**Phụ lục 2: NỘI DUNG THỰC HÀNH CỤ THỂ VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH
CÓ THỂ TIẾP NHẬN TẠI MỘT THỜI ĐIỂM**

(Kèm theo Bản công bố số 125 /BVQTSNHP ngày 19 tháng 4 năm 2024)

I. Thời gian thực hành:

Đảm bảo thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên môn và khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu theo quy định đối với từng chức danh thực hành:

1. Đối với chức danh Bác sĩ các chuyên ngành: Sản Phụ khoa, Nhi khoa (Nội nhi và Ngoại nhi), Phục hồi chức năng, Tâm bệnh, Phẫu thuật thẩm mỹ, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 09 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng.

2. Đối với chức danh Bác sĩ Hồi sức tích cực Nhi:

Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 12 tháng

3. Đối với chức danh Y sĩ đa khoa:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng.

4. Đối với chức danh điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y là 06 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 05 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

II. Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh

STT	Đối tượng thực hành	Một số nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh cơ bản	Tên đơn vị/ thực hành	Số lượng người đăng ký giảng dạy đạt yêu cầu tại khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người giảng dạy	Số lượng người thực hành tối đa có thể tiếp nhận
A. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh						
1		Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh				
2		Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp				

STT	Đối tượng thực hành	Một số nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh cơ bản	Tên đơn vị/ thực hành	Số lượng người đăng ký giảng dạy đạt yêu cầu tại khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người giảng dạy	Số lượng người thực hành tối đa có thể tiếp nhận
3	Tất cả các đối tượng thực hành	An toàn người bệnh				
4		Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh				
5		Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản				
6		Sử dụng bệnh án điện tử và quy định về bảo mật thông tin				

B. Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh cơ bản

1	Bác sỹ; Y sĩ Sản Phụ khoa	Tiền sản giật, rau tiền đạo, dọa đẻ non, thai nghén nguy cơ cao; Dọa sảy thai; Thai ngừng phát triển; Đọc và phân tích kết quả Monitoring...	Tiền Sản	2	10	25
		Nhiễm trùng vú; Nuôi con bằng sữa mẹ; Nhiễm trùng trong thời kỳ hậu sản; Đẻ mổ, Đẻ thường; Đẻ khó; Chảy máu sau đẻ...	Hậu sản/phòng đẻ	5	25	25
		Sàng lọc K cổ tử cung, K vú; Viêm âm đạo; Chửa ngoài tử cung; U xơ tử cung; Một số bệnh lý về phần phụ, Rối loạn kinh nguyệt....	Khoa Phụ	1	5	25

STT	Đối tượng thực hành	Một số nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh cơ bản	Tên đơn vị thực hành	Số lượng người đăng ký giảng dạy đạt yêu cầu tại khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người giảng dạy	Số lượng người thực hành tối đa có thể tiếp nhận
		Sàng lọc và quản lý thai nghén; Các biện pháp KHHGD và tai biến. Chẩn đoán và quản lý thai nghén 3 tháng đầu, 3 tháng giữa và 3 tháng cuối; Khám thai; Tư vấn cho phụ nữ có thai về vệ sinh và quan hệ tình dục; Tư vấn cho phụ nữ có thai về dinh dưỡng và lao động...	Khoa khám bệnh Sản	2	10	10
		Thực hành chuyên môn về Hỗ trợ sinh sản	Khoa Hỗ trợ sinh sản	2	10	10
2	Bác sỹ Nhi khoa (Nội nhi, Ngoại nhi); Hồi sức tích cực Nhi); Bác sỹ Răng-Hàm-Mặt, Tai-Mũi-Họng, Mắt; Y sĩ	- Khám, Chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hóa, Hô hấp, Tim mạch, Thận tiết niệu, Huyết học, bệnh truyền nhiễm..... Và các bệnh nội nhi khác; Thực hành khám chữa bệnh Ngoại khoa; - Hướng dẫn thực hành các nội dung: Cấp cứu Suy hô hấp; Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Xuất huyết tiêu hóa, Ngộ độc, Sặc dị vật, Giảm tri giác, Shock phản vệ,... - Khám, Chẩn đoán, Điều trị, Hướng dẫn phòng các bệnh về: Tai Mũi Họng, Mắt, Răng hàm mặt	Khoa khám bệnh Nhi	2	5	10
			Khoa Hồi sức tích cực Nhi	1	5	30
			Khoa Hô hấp - Tim mạch	1	5	30
			Khoa Tiêu hóa - Thận - HH	1	5	30
			Khoa Ngoại Nhi	1	5	30
			Khoa Truyền nhiễm	1	5	30
			Khoa Liên chuyên khoa	4	20	20
3	Bác sỹ/Kỹ thuật viên PHCN	- BS: khám, trị liệu phục hồi chức năng các bệnh lý cơ xương khớp, bệnh lý thần kinh cơ, phục hồi chức năng sau chấn thương... - Điều dưỡng: thao tác kỹ thuật trị liệu phục hồi chức năng các bệnh lý cơ xương khớp, bệnh lý thần kinh cơ, phục hồi chức năng sau chấn thương...	Khoa Phục hồi chức năng	1	5	5

STT	Đối tượng thực hành	Một số nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh cơ bản	Tên đơn vị thực hành	Số lượng người đăng ký giảng dạy đạt yêu cầu tại khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người giảng dạy	Số lượng người thực hành tối đa có thể tiếp nhận
4	Bác sỹ/KTV về tâm bệnh	Các triệu chứng, hội chứng rối loạn tâm thần; một số bệnh tâm thần ở trẻ em; Hướng dẫn các Triệu chứng, bệnh học, các phương pháp điều trị; Hướng dẫn chăm sóc người bệnh Các triệu chứng, hội chứng rối loạn tâm thần; một số bệnh tâm thần ở trẻ em; Hướng dẫn chăm sóc người bệnh...	Khoa Tâm bệnh	1	5	5
5	BS, KTV chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật siêu âm, Kỹ thuật chụp X-quang, Kỹ thuật CLVT-CHT; Kỹ thuật chụp X-quang, Kỹ thuật CLVT-CHT	Khoa CĐHA	5	25	10
6	Điều dưỡng	- Hướng dẫn Quy trình tiêm truyền; Áp dụng các quy trình của điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh - Phân vệ và cấp cứu ngừng tuần hoàn - Hướng dẫn chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu; Dự phòng và chăm sóc loét tì đè; Chăm sóc bệnh nhân trước và sau khi làm thủ thuật - Phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật, các can thiệp - Sử dụng và quản lý các máy y tế: Máy monitor, Bơm tiêm điện, Máy truyền dịch - Ghi chép hồ sơ điều dưỡng	Tất cả các khoa lâm sàng	8	40	25
7	Hộ sinh	Thực hành chăm sóc bà mẹ trước và trong chuyển dạ đẻ; đỡ đẻ, kỹ thuật cắt khâu tầng sinh môn; Xử trí các cấp cứu sản khoa; Truyền thông GDSKSS cho sản phụ và gia đình... Thực hành chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ..	Khoa đẻ	1	5	10

STT	Đối tượng thực hành	Một số nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh cơ bản	Tên đơn vị/ thực hành	Số lượng người đăng ký giảng dạy đạt yêu cầu tại khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người giảng dạy	Số lượng người thực hành tối đa có thể tiếp nhận
8	BS, KTV xét nghiệm	Lâm sàng Huyết học, Hóa học, Vi sinh, Ký sinh trùng...	Khoa Xét nghiệm	2	5	10
9	BS Phẫu thuật thẩm mỹ	Thực hành chuyên môn về Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	2	5	10
10	BS Gây mê hồi sức	Thực hành chuyên môn về Gây mê hồi sức	Khoa Gây mê hồi sức	2	5	10